

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No. 1079 2023/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, Tại ngày: 02 tháng 06 năm 2023 /As at 02 Jun

**DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU  
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG  
CHỈ ETF**

**BASKET OF COMPONENT  
SECURITIES AND CASH TO  
EXCHANGE FOR AN ETF  
CREATION UNIT**

*Kính gửi:* Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư

*To:* State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Securities Depository, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange, Authorized Participant, Investors

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV
- Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUESSV50
- Địa chỉ trụ sở chính/Main office address: Tầng 5, 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại/Tel: 024 3936 6321 Fax: 024 3936 6337

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the basket of component securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: **05/06/2023**
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF

*Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	PVS	200	0,40%
2	VCB	500	3,03%
3	SSB	1.700	3,40%
4	KDH	500	0,94%
5	VPB	5.300	6,72%
6	GMD	300	0,99%
7	MBB	2.800	3,52%
8	VJC	300	1,86%
9	HCM	200	0,35%
10	GEX	600	0,66%
11	LPB	1.600	1,53%
12	STB	2.100	3,80%



*Deliver*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
<i>Order</i>	<i>Securities symbol</i>	<i>Volume</i>	<i>Weighting</i>
I	Chứng khoán/Stock		
13	NVL	1.200	1,06%
14	SBT	300	0,31%
15	EIB	1.500	2,03%
16	VCI	300	0,67%
17	MSN	700	3,23%
18	MSB	1.900	1,54%
19	REE	200	0,78%
20	MWG	1.200	3,13%
21	VIC	1.300	4,32%
22	NLG	300	0,62%
23	DIG	500	0,70%
24	DGC	200	0,72%
25	VGC	100	0,27%
26	HDB	2.000	2,43%
27	VHC	100	0,37%
28	BVH	100	0,28%
29	PLX	100	0,24%
30	CTG	800	1,46%
31	HSG	500	0,50%
32	ACB	3.700	5,15%
33	SSI	1.200	1,85%
34	KBC	600	1,10%
35	VNM	900	3,79%
36	TPB	1.000	1,68%
37	VHM	1.200	4,09%
38	HPG	3.600	4,97%
39	SHB	2.800	2,16%
40	VIB	1.200	1,77%
41	VRE	1.000	1,73%
42	PNJ	300	1,40%
43	KDC	100	0,41%
44	IDC	200	0,54%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
45	VND	1.000	1,17%
46	TCB	2.600	5,35%
47	POW	600	0,52%
48	PVD	200	0,31%
49	PDR	300	0,29%
50	FPT	1.000	5,35%
<b>II</b>	<b>Tiền/Cash(VND)</b>	<b>70.642.284</b>	

\* Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoá đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND) **1.494.625.000**

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND) **1.565.267.284**

+ Tiền chênh lệch/Cash component: (VND) **70.642.284**

\* Phương án xử lý đối với tiền chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng tiền chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng tiền chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	SSI	24.100	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
2	VCI	35.000	VCSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
3	BVH	44.100	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ BVSC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
4	VCB	94.900	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ BVSC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
5	ACB	21.800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
6	FPT	83.800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
7	MBB	19.700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
8	MWG	40.800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
9	PNJ	73.000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
10	REE	61.400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
11	TCB	32.200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
12	VIB	23.050	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

- Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We declare that all information provided in this paper is true and accurate; We shall be legally responsible for any misrepresentation.*

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UB CBTT

*Legal representative/Party authorized to disclose information*

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

*(Signature, full name, position, and seal)*



*Tô Thùy Linh*  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**